3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
T/L CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng Phòng
Deputy Chief of Division

Nguyễn Quốc Tuấn

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer

Lê Văn Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*
P

Mã số / *Code*
VNM

Số hộ chiếu / *Passport N°*
C6128430

Họ và tên / *Full name*
LÊ VĂN HẢI

Quốc tịch / *Nationality*
VIỆT NAM / *VIETNAMESE*

Ngày sinh / *Date of birth*
05 / 09 / 1996

Nơi sinh / *Place of birth*
THANH HÓA

Giới tính / *Sex*
NAM / M

Số GCMND / *ID card N°*
174781968

Ngày cấp / *Date of issue*
26 / 09 / 2018

Có giá trị đến / *Date of expiry*
26 / 09 / 2028

Nơi cấp / *Place of issue*
Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMLE<<VAN<HAI<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C6128430<6VNM9609059M2809263174781968<<<<<52

JAPAN IMMIGRATION INSPECTOR
上陸許可
LANDING PERMISSION
Date of permit 28.FEB.2019
Until 29.FEB.2020
Status Technical intern training (I)(B)
Duration One year
NARITA(P)
1806010456
KKYY4974701
HE71389340FA

JAPAN VISA
日本国査証
EB8298805
Place of Issue
HANOI
Date of issue
28 JAN 19
Date of expiry
28 APR 19
No.of entries
SINGLE
Issue No.
19B09399
For stay(s) of
1 YEAR
Category
(E) AS TECH. INTERN TRAINING (I) (B)
Surname/Given name
LE VAN HAI
Passport No.
C6128430
Sex
M
Date of birth
05 SEP 96
Nationality
VNM
No. of applicant
Remarks
TBY18-039242
MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS JAPAN
V<JPNLE<<VAN<HAI<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C6128430<6VNM9609059M190428619B09399620A<E17